

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2022/DS-ST

Ngày: 21-7-2022

V/v tranh chấp về hợp đồng mua
bán điện.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 266/2021/TLST-DS ngày 23/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán điện” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2022/QĐXXST-DS ngày 30/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2022/QĐST-DS ngày 23/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng công ty Điện lực T; Địa chỉ trụ sở: Số 35 đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T; Chức danh: Tổng Giám đốc.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 62 đường L, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1125/UQ-PCTT ngày 06/10/2021). Ông Đỗ Trọng Nghĩa có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 06/6/2022.

Bị đơn: Ông Lê Ngọc L, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 502/37/54 đường Huỳnh Tấn Phát, tổ 24, khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Trọng N trình bày:

Ngày 23 tháng 3 năm 2016, Chi nhánh Tổng công ty Điện lực T – Công ty Điện lực Tân Thuận đã ký Hợp đồng số 79778116007494 về việc mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt với ông Lê Ngọc L.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Ngọc L đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền điện sử dụng hàng tháng. Tuy nhiên, từ tháng 4 năm 2019 đến nay ông Lê Ngọc L đã không thanh toán tiền điện đúng hạn theo hợp đồng đã ký nêu trên.

Ông Lê Ngọc L nợ tiền điện quá kỳ hạn thanh toán 01 hóa đơn như sau:

Hóa đơn số 417780640 khách hàng sử dụng điện từ ngày 26/03/2019 đến 25/04/2019 với số tiền 824.223 đồng (Tám trăm hai mươi bốn ngàn, hai trăm hai mươi ba đồng).

Tổng số tiền mà ông Luyện còn nợ Tổng công ty Điện lực T của 01 hóa đơn là 824.223 đồng. Tổng công ty Điện lực T đã thông báo ngừng cung cấp điện ngày 02/10/2019. Hiện nay, Tổng công ty Điện lực T đã ngừng cung cấp điện cho ông Lê Ngọc L tại địa chỉ theo hợp đồng mua bán điện, nhưng đến nay khách hàng vẫn chưa thanh toán.

Nay Tổng công ty Điện lực T đề nghị Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử buộc ông Lê Ngọc L phải thanh toán đầy đủ số tiền điện còn nợ là: 824.223 đồng (Tám trăm hai mươi bốn ngàn, hai trăm hai mươi ba đồng) cho Tổng công ty Điện lực T. Yêu cầu ông Luyện thanh toán một lần, ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là ông Lê Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Luyện vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 478032/20 ngày 28/5/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Tổng Công ty Điện lực Tc có nội dung đăng ký doanh nghiệp: Sản xuất điện, chi tiết sản xuất điện năng; truyền tải và phân phối điện, chi tiết: phân phối và kinh doanh điện năng; căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Lê Ngọc L phải trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 79778116007494, mã khách hàng: PE05000053370 thì đây là “Tranh chấp về hợp đồng mua bán điện” được quy định tại Điều 688, Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 22 Luật Điện lực năm 2004 (Sửa đổi, bổ sung năm 2012).

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 79778116007494, mã khách hàng: PE05000053370 thể hiện ông Lê Ngọc L tại thời điểm ký kết hợp đồng với nguyên đơn có địa chỉ tại số 502/37/54 đường H, tổ 24, khu phố 3, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Kết quả xác minh của Công an phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: Dương sự Lê Ngọc L, sinh 1967 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 502/37/54 đường H, khu phố 3, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh hiện đã bán nhà đi khỏi địa phương từ 2019 đến nay, đi đâu không rõ và Tổng Công ty Điện lực Tc xác định đây là địa chỉ cư trú cuối cùng của ông L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện, khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hình thức:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Lê Ngọc L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét, Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 79778116007494, mã khách hàng: PE05000053370 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Thông tư số 19/2014/TTBCT của Bộ Công thương ngày 18/6/2014 về việc ban hành mẫu hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt, nên đủ căn cứ xác định bị đơn ông Lê Ngọc L có mua điện phục vụ mục đích sinh hoạt tại địa chỉ số 502/37/54 đường H, tổ 24, khu phố 3, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT (Tiền điện) số 417780640 thì tổng số tiền điện mà bị đơn ông Lê Ngọc L đã sử dụng theo hợp đồng trên là 824.223 đồng (Tám trăm hai mươi bốn ngàn, hai trăm hai mươi ba đồng).

Căn cứ vào Thông báo thời điểm ngừng cung cấp điện do quá hạn thanh toán ngày 17/5/2019 của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Bị đơn là ông Lê Ngọc L còn nợ lại chưa thanh toán 01 kỳ tiền điện với tổng số tiền là 824.223 đồng (Tám trăm hai mươi bốn ngàn, hai trăm hai mươi ba đồng). Do đó, nguyên đơn đã ngừng cung cấp điện là đúng theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2004.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên có căn cứ quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Lê Ngọc L phải trả cho nguyên đơn số tiền 824.223 đồng (Tám trăm hai mươi bốn ngàn, hai trăm hai mươi ba đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Khoản 1 Khoản 3 Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 280, Điều 357, Điều 430, Điều 440, Khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 23, điểm a Khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực 2004 (Sửa đổi, bổ sung năm 2012).

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ điểm b Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

Xử:

1. Về hình thức: Xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Trọng Nghĩa, bị đơn ông Lê Ngọc L.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng công ty Điện lực T.

- Buộc ông Lê Ngọc L phải thanh toán 01 kỳ tiền điện của Hóa đơn GTGT (Tiền điện) số 417780640 tổng cộng là 824.223 đồng (Tám trăm hai mươi bốn ngàn, hai trăm hai mươi ba đồng) cho Tổng Công ty Điện lực T.

Trong trường hợp ông Lê Ngọc L chậm thi hành khoản tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành cho theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Ngọc L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Tổng công ty Điện lực T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0013661 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Tổng công ty Điện lực T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH và ông Lê Ngọc L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (TK Đức).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Phương